

CU ĐƠ ÔNG BÀ THƯ VIỆN
HỘ KINH DOANH: PHAN HỮU CƯỜNG



BẢN TỰ CÔNG BỐ SẢN PHẨM

**SỐ: 01/CUĐOONGBATHUVIEN-
PHANHUUCUONG/2025**

SẢN PHẨM: KẸO CU ĐƠ ÔNG BÀ THƯ VIỆN

Kẹo cu đơ ông bà Thư Viện (Truyền thống)

Kẹo cu đơ ông bà Thư Viện (Đặc biệt)

Kẹo cu đơ ông bà Thư Viện (Tiêu chuẩn)

HÀ TĨNH, THÁNG 3 NĂM 2025

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN CÔNG BỐ HỢP QUY

Số: 01/QCDP 1:2023/HTTh/ CUDOTHUVIEN-PHANHUUCUONG/2025

- Hộ kinh doanh: Phan Hữu Cường
- Địa chỉ : Thôn 6, xã Cẩm Quang, huyện Cẩm Xuân, tỉnh Hà Tĩnh
- Điện thoại : 0946721198

CÔNG BỐ:

Sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ: **KẸO CU ĐƠ ÔNG BÀ THƯ VIỆN**

- Kẹo cu đơ ông bà Thư Viện (Truyền thống)
- Kẹo cu đơ ông bà Thư Viện (Đặc biệt)
- Kẹo cu đơ ông bà Thư Viện (Tiêu chuẩn)

Phù hợp với tiêu chuẩn/quy chuẩn kỹ thuật:

- Quy chuẩn kỹ thuật số QCDP 1 : 2023/HTTh ban hành theo Quyết định số 35/2023 ngày 18/8/2023 của UBND tỉnh Hà Tĩnh.

- Tiêu chuẩn cơ sở : 01/CUDOOTHUVIEN-PHANHUUCUONG/2025 ngày 13/3/2025.

- Thông tin bổ sung (Thông tư số 28/2012/TT-BKHHCN ngày 12/12/2012 ; QCDP 1 :2023/HTTh ngày 18/8/2023):

- Kết quả thử nghiệm do Trung tâm Kỹ thuật tiêu chuẩn đo lường chất lượng 1 thuộc Ủy ban Tiêu chuẩn đo lường chất lượng quốc gia (Bộ Khoa học và Công nghệ) cấp ngày 06/02/2025:

+ Số 25/TN4/0055/01, sản phẩm Kẹo cu đơ ông bà Thư Viện (Truyền thống)

+ Số 25/TN4/0055/01, sản phẩm Kẹo cu đơ ông bà Thư Viện (Đặc biệt)

+ Số 25/TN4/0055/01, sản phẩm Kẹo cu đơ ông bà Thư Viện (Tiêu chuẩn)

Hộ kinh doanh Phan Hữu Cường cam kết và chịu trách nhiệm về tính phù hợp của sản phẩm : Kẹo cu đơ ông bà Thư Viện (Truyền thống) - Kẹo cu đơ ông bà Thư Viện (Đặc biệt) - Kẹo cu đơ ông bà Thư Viện (Tiêu chuẩn) do cơ sở sản xuất, kinh doanh, bảo quản, vận chuyển, sử dụng, khai thác./.

Hà Tĩnh, ngày 13 tháng 3 năm 2025

Đại diện hộ sản xuất kinh doanh



Phan Hữu Cường

Hà Tĩnh, ngày 13 tháng 3 năm 2025

BẢN TỰ CÔNG BỐ SẢN PHẨM

I. Thông tin về cá nhân tự công bố sản phẩm

- Hộ kinh doanh: **PHAN HỮU CƯỜNG**.
- Địa chỉ : Thôn 6, xã Cẩm Quang, huyện Cẩm Xuân, tỉnh Hà Tĩnh.
- Điện thoại : 0946721198.
- Giấy chứng nhận ĐKKD : số 2818007247 do UBND huyện Cẩm Xuyên cấp đăng ký lần đầu ngày 17/02/2022.
- Giấy chứng nhận ATTP : số 05/2025/GCNATTP-UBND ngày 11/3/2025 của UBND huyện Cẩm Xuyên cấp.
- Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu : số 455478 do Cục Sở hữu trí tuệ (Bộ Khoa học và Công nghệ) cấp theo Quyết định số 457/QĐ-SHTT_{IPS}, ngày 23/6/2023.

II. Thông tin về sản phẩm

1. Tên sản phẩm : **KẸO CU ĐƠ ÔNG BÀ THƯ VIỆN**

- Kẹo cu đơ ông bà Thư Viện (Truyền thống).
- Kẹo cu đơ ông bà Thư Viện (Đặc biệt).
- Kẹo cu đơ ông bà Thư Viện (Tiêu chuẩn).

2. Thành phần : Lạc nhân (đậu phộng), mật ong, mật mía, mạch nha, gừng, đường trắng, bánh tráng (bánh da) và các thành phần khác.

3. Chỉ tiêu chất lượng, ATTP :

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	Mức quy định
1.	Độ ẩm	%	5 – 6.5
2.	Hàm lượng tro không tan trong axit HCl	%	≤ 0.05
3.	Hàm lượng đường tổng theo saccaroza	%	≥ 30
4.	Hàm lượng đường khử theo Glucoza	%	12-18.5

5.	Hàm lượng chì (Pb)	mg/kg	0.2
6.	Hàm lượng cadimi (Cd)	mg/kg	0.1
7.	Hàm lượng Aflatoxin B1	µg/kg	8
8.	Hàm lượng Aflatoxin tổng số (B1+B2+G1+G2)	µg/kg	15
9.	Hàm lượng Orchatoxin A	µg/kg	3
10.	Ngoại quan		
	Hình dạng bên ngoài		Kẹo có hình tròn theo khuôn mẫu, không bị biến dạng, nhân không bị chảy, kích thước kẹo trong cùng một gói tương đối đồng đều.
	Trạng thái		Bên ngoài: lớp vỏ màu trắng ngà, giòn Bên trong: dẻo, dai
	Màu sắc		Màu đặc trưng Bên ngoài: Vỏ bánh da (bánh trắng) lẫn hạt vừng Bên trong: Màu nâu
	Mùi, vị		Mùi thơm đặc trưng, vị ngọt, không có mùi lạ
11.	B.cereus	CFU/g	10
12.	Coliforms	CFU/g	10
13.	C.perfringens	CFU/g	10
14.	S. aureus	CFU/g	10
15.	E.coli	CFU/g	3
16.	Tổng số nấm men - nấm mốc	CFU/g	10 ²
17.	Tổng số vi sinh vật hiếu khí	CFU/g	10 ⁴
18.	Phụ gia thực phẩm	Loại A	Không sử dụng
19.	Coliforms	CFU/g	10

4. Bao gói, ghi nhãn và thể hiện dấu hợp quy CR

4.1. Bao gói : Hộp nhựa PA, PE, thùng Cartong đảm bảo về an toàn thực phẩm theo quy định của Bộ Y tế

4.2. Ghi nhãn và thể hiện dấu hợp quy CR

- Tên hàng hóa :

Kẹo cu đơ ông bà Thư Viện (Truyền thống)

Kẹo cu đơ ông bà Thư Viện (Đặc biệt)

Kẹo cu đơ ông bà Thư Viện (Tiêu chuẩn)

- Tên và địa chỉ cơ sở sản xuất chịu trách nhiệm về hàng hóa : Kẹo cu đơ ông bà Thư Viện – Hộ kinh doanh Phan Hữu Cường

Địa chỉ trụ sở chính : Thôn 6, xã Cẩm Quang, huyện Cẩm Xuyên, tỉnh Hà Tĩnh

Địa chỉ địa điểm sản xuất kinh doanh :

Cơ sở 1 : Đường tránh thành phố Hà Tĩnh, phường Thạch Linh, thành phố Hà Tĩnh, tỉnh Hà Tĩnh

Cơ sở 2 : QL1A, Cầu Na, xã Cẩm Quang, huyện Cẩm Xuyên, tỉnh Hà Tĩnh

Cơ sở 3 : QL1A, xã Kỳ Thọ, huyện Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh

Cơ sở 4 : số 50 Phan Bội Châu, phường Lê Lợi, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An

- Xuất xứ : Hà Tĩnh, Việt Nam

- Định lượng : 700g, 900g và 1.100g (hộp 05 chiếc)

- Ngày sản xuất : Ghi trên bao bì

- Hạn sử dụng : 02 tháng

- Thành phần hoặc thành phần định lượng : Ghi trên bao bì

- Thông tin cảnh báo : Không sử dụng hóa chất và phẩm màu

- Hướng dẫn sử dụng : Dùng ăn trực tiếp, sản phẩm sẽ ngon hơn khi thưởng thức với nước chè xanh hoặc trà

Bao bì phải luôn giữ kín, bảo quản nơi khô ráo, thoáng mát, tránh ánh nắng trực tiếp của mặt trời...

- Dấu hợp quy CR : Theo quy định tại Thông tư số 28/2012/TT-BKHHCN ngày 12/2/2012 và QCDP 1 :2023/HTh ngày 18/8/2023.

III. Mẫu nhãn sản phẩm (Có các mẫu kèm theo)

IV. Yêu cầu về an toàn thực phẩm

1. Nghị định số 15/2018/NĐ-CP ngày 02/02/2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật An toàn thực phẩm.

2. Quy chuẩn kỹ thuật số QCDP 1 : 2023/HTh ban hành theo Quyết định số 35/2023 ngày 18/8/2023 của UBND tỉnh Hà Tĩnh.

3. TCCS: 01/CUDOQBTHUVIEN-PHANHUUCUONG/2025.

4. Kết quả thử nghiệm do Trung tâm Kỹ thuật tiêu chuẩn đo lường chất lượng 1 thuộc Ủy ban Tiêu chuẩn đo lường chất lượng quốc gia (Bộ Khoa học và Công nghệ) cấp ngày 06/02/2025:

- Số 25/TN4/0055/01, sản phẩm Kẹo cu đơ ông bà Thư Viện (Truyền thống)

- Số 25/TN4/0055/01, sản phẩm Kẹo cu đơ ông bà Thư Viện (Đặc biệt)

- Số 25/TN4/0055/01, sản phẩm Kẹo cu đơ ông bà Thư Viện (Tiêu chuẩn).

Chúng tôi xin cam kết thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật về chất lượng, an toàn thực phẩm, ghi nhãn hàng hóa, gắn dấu hợp quy CR và chịu trách nhiệm về tính pháp lý của hồ sơ công bố đối với sản phẩm đã công bố theo đúng quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- Sở Công thương Hà Tĩnh.
- Sở KH-CN Hà Tĩnh.
- Sở Y tế Hà Tĩnh.
- Lưu hộ kinh doanh.

CHỦ HỘ KINH DOANH



Phan Hữu Cường

Số Số 25/TN4/ 0055/01

Trang 1/3

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST RESULT

1. Tên mẫu thử/Name of sample: Kẹo cu đơ ông bà Thư Viện (truyền thống)
2. Khách hàng/Customer: CU ĐƠ ÔNG BÀ THƯ VIỆN - HỘ KINH DOANH PHAN HỮU CƯỜNG
Địa chỉ: Thôn 6, xã Cẩm Quang, huyện Cẩm Xuyên, tỉnh Hà Tĩnh
3. Số lượng mẫu/Quantity: 02 hộp
4. Ngày nhận mẫu/Date of receiving: 10/01/2025
5. Tình trạng mẫu/Status of sample: Mẫu được đựng trong hộp kín
6. Thời gian thử nghiệm/Test duration: Từ ngày/From: 10/01/2025 đến ngày/To: 04/02/2025
7. Ngày hoàn thành/Completion date: 04/02/2025

TRƯỞNG PHÒNG
THỬ NGHIỆM THỰC PHẨM
Head of Lab

Nguyễn Trần Quân

Hà Nội, ngày 06 tháng 02 năm 2025



PHÓ GIÁM ĐỐC
Nguyễn Ngọc Châm

- Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử do khách hàng đưa tới.
This test results are valid only for samples taken by customer.
- Không được trích sao một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của trung tâm Kỹ thuật 1.
This test results shall not reproduced except in full, without the written approved of QUATEST 1
- Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.
Name of sample and customer are written as customer's request.

Số/No: 25/TN4/ 0055/01

Trang/Page 2/3

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST RESULT

STT Item	Tên chỉ tiêu Specifications	Đơn vị unit	Phương pháp thử Test methods	Kết quả Results
1.	Độ ẩm	%	TCVN 4074: 2009	6,24
2.	Hàm lượng tro không tan trong axit HCl	%	TCVN 4072: 2009	0,0
3.	Hàm lượng đường tổng theo saccharoza	%	TCVN 4074: 2009	34,87
4.	Hàm lượng đường khử theo Glucoza	%	TCVN 4074: 2009	14,28
5.	Hàm lượng chì (Pb)	mg/kg	AOAC 2015.01	< 0,09 (LOQ = 0,09)
6.	Hàm lượng cadimi (Cd)	mg/kg	AOAC 2015.01	0,07
7.	Hàm lượng Aflatoxin B1	µg/kg	TCVN 7596: 2007	KPH (LOD = 2,0)
8.	Hàm lượng Aflatoxin tổng số (B1+B2+G1+G2)	µg/kg	TCVN 7596: 2007	KPH (LOD = 2,0)
9.	Hàm lượng Orchatoxin A	µg/kg	TCVN 9524: 2012	KPH (LOD = 0,35)
10.	Ngoại quan Hình dạng bên ngoài Trạng thái Màu sắc Mùi, vị		TCVN 4068:1985	Kẹo có hình tròn theo khuôn mẫu, không bị biến dạng, nhân không bị chảy, kích thước kẹo trong cùng một gói tương đối đồng đều. Bên ngoài: lớp vỏ màu trắng ngà, giòn Bên trong: dẻo, dai Màu đặc trưng Bên ngoài: Vỏ bánh đa (bánh trắng) lẫn hạt vừng Bên trong: Màu nâu Mùi thơm đặc trưng, vị ngọt, không có mùi lạ
11.	<i>B.cereus</i> (*)	CFU/g	TCVN 4992: 2005	KPH (LOD : 10)
12.	<i>Coliforms</i> (*)	CFU/g	TCVN 6848: 2007	KPH (LOD : 1)
13.	<i>C.perfringens</i> (*)	CFU/g	TCVN 4991: 2005	KPH (LOD : 1)
14.	<i>S. aureus</i> (*)	CFU/g	ISO 6888-1: 2021	KPH (LOD : 10)
15.	<i>E.coli</i> (*)	CFU/g	TCVN 7924-2: 2008	KPH (LOD : 1)
16.	Tổng số nấm men - nấm mốc (*)	CFU/g	TCVN 8275-2: 2010	KPH (LOD : 1)
17.	Tổng số vi sinh vật hiếu khí (*)	CFU/g	TCVN 4884-1: 2015	KPH (LOD : 1)

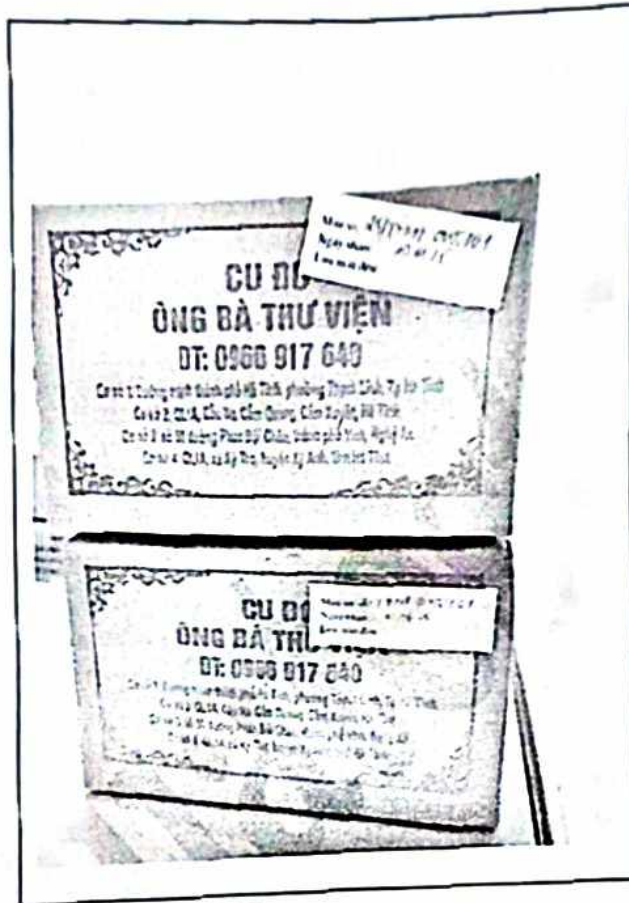
Ghi chú: (*) là chỉ tiêu gửi nhà thầu phụ. (**), KPH - Không phát hiện (nghĩa là dưới ngưỡng phát hiện của phương pháp thử-LOD).
-LOQ là giới hạn phát hiện của phương pháp

No: 25/TN4/-0055/01

Trang/Page: 3/3

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

TEST RESULT



Số hồ sơ: 02/2025
Số đăng ký: 02/2025

Số No: 25/TN4/ 0055/02

Trang: 1/3

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST RESULT

1. Tên mẫu thử/Name of sample: Kẹo cu đơ ông bà Thư Viện (đặc biệt)
2. Khách hàng/Customer: CU ĐƠ ÔNG BÀ THƯ VIỆN - HỘ KINH DOANH PHAN HỮU CƯỜNG
Địa chỉ: Thôn 6, xã Cẩm Quang, huyện Cẩm Xuyên, tỉnh Hà Tĩnh
3. Số lượng mẫu/Quantity: 02 hộp
4. Ngày nhận mẫu/Date of receiving: 10/01/2025
5. Tình trạng mẫu/Status of sample: Mẫu được đựng trong hộp kín
6. Thời gian thử nghiệm/Test duration: Từ ngày/From: 10/01/2025 đến ngày/To: 04/02/2025
7. Ngày hoàn thành/Completion date: 04/02/2025



Hà Nội, ngày 06 tháng 02 năm 2025
GIÁM ĐỐC
Director

TRƯỜNG PHÒNG
THỬ NGHIỆM THỰC PHẨM
Head of Lab

Nguyễn Trần Quân



PHÓ GIÁM ĐỐC
Nguyễn Ngọc Châm

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử do khách hàng đưa tới.
This test results are valid only for samples taken by customer.
2. Không được trích sao một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của trung tâm Kỹ thuật 1.
This test results shall not reproduced except in full, without the written approved of QUATEST 1.
3. Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.
Name of sample and customer are written as customer's request.

Số/No: 25/TN4/ 0055/02

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

TEST RESULT

STT Item	Tên chỉ tiêu Specifications	Đơn vị unit	Phương pháp thử Test methods	Kết quả Results
1.	Độ ẩm	%	TCVN 4074: 2009	5,70
2.	Hàm lượng tro không tan trong axit HCl	%	TCVN 4072: 2009	0,0
3.	Hàm lượng đường tổng theo saccharoza	%	TCVN 4074: 2009	35,31
4.	Hàm lượng đường khử theo Glucoza	%	TCVN 4074: 2009	14,15
5.	Hàm lượng chì (Pb)	mg/kg	AOAC 2015.01	KPH (LOD = 0,03)
6.	Hàm lượng cadimi (Cd)	mg/kg	AOAC 2015.01	0,09
7.	Hàm lượng Aflatoxin B1	µg/kg	TCVN 7596: 2007	KPH (LOD = 2,0)
8.	Hàm lượng Aflatoxin tổng số (B1+B2+G1+G2)	µg/kg	TCVN 7596: 2007	KPH (LOD = 2,0)
9.	Hàm lượng Orchatoxin A	µg/kg	TCVN 9524: 2012	KPH (LOD = 0,35)
10.	Ngoại quan Hình dạng bên ngoài Trạng thái Màu sắc Mùi, vị		TCVN 4068:1985	Kẹo có hình tròn theo khuôn mẫu, không bị biến dạng, nhân không bị chảy, kích thước kẹo trong cùng một gói tương đối đồng đều. Bên ngoài: lớp vỏ màu trắng ngà, giòn Bên trong: dẻo, dai Màu đặc trưng Bên ngoài: Vỏ bánh đa (bánh trắng) lẫn hạt vừng Bên trong: Màu nâu Mùi thơm đặc trưng, vị ngọt, không có mùi lạ
11.	<i>B.cereus</i> (*)	CFU/g	TCVN 4992: 2005	KPH (LOD : 10)
12.	<i>Coliforms</i> (*)	CFU/g	TCVN 6848: 2007	KPH (LOD : 1)
13.	<i>C.perfringens</i> (*)	CFU/g	TCVN 4991: 2005	KPH (LOD : 1)
14.	<i>S. aureus</i> (*)	CFU/g	ISO 6888-1: 2021	KPH (LOD : 10)
15.	<i>E.coli</i> (*)	CFU/g	TCVN 7924-2: 2008	KPH (LOD : 1)
16.	Tổng số nấm men - nấm mốc (*)	CFU/g	TCVN 8275-2: 2010	KPH (LOD : 1)
17.	Tổng số vi sinh vật hiếu khí (*)	CFU/g	TCVN 4884-1: 2015	KPH (LOD : 1)

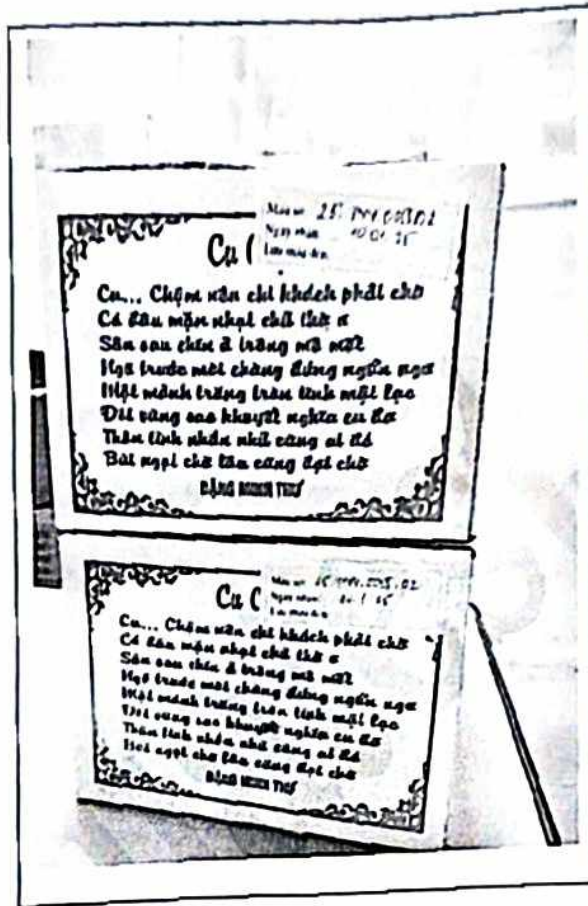
Ghi chú: (*) là chỉ tiêu gửi nhà thầu phụ, (**) KPH - không phát hiện (nghĩa là dưới ngưỡng phát hiện của phương pháp thử-LOD)

Địa chỉ: Thành phố Hồ Chí Minh
Số 15, Đường Nguyễn Huệ
Quận 1, TP. HCM
Số điện thoại: 028.3911.1111
Fax: 028.3911.1112
Email: info@quatest.vn

Số No 25/TN4/ 0055/02

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

TEST RESULT



Số/No: 25/TN4/0055/03

Trang: 1/3

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

1. Tên mẫu thử/Name of sample: **Kẹo cụ ông bà Thư Viện (tiêu chuẩn)**
TEST RESULT
2. Khách hàng/Customer: **CU ĐO ÔNG BÀ THƯ VIỆN - HỘ KINH DOANH PHAN HỮU CƯỜNG**
Địa chỉ: Thôn 6, xã Cẩm Quang, huyện Cẩm Xuyên, tỉnh Hà Tĩnh
3. Số lượng mẫu/Quantity: **02 hộp**
4. Ngày nhận mẫu/Date of receiving: **10/01/2025**
5. Tình trạng mẫu/Status of sample: **Mẫu được đựng trong hộp kín**
6. Thời gian thử nghiệm/Test duration: **Từ ngày/From: 10/01/2025 đến ngày/To: 04/02/2025**
7. Ngày hoàn thành/Completion date: **04/02/2025**

**TRƯỞNG PHÒNG
THỬ NGHIỆM THỰC PHẨM**
Head of Lab


Nguyễn Trần Quân

Hà Nội, ngày 06 tháng 02 năm 2025

GIÁM ĐỐC
Director



PHÓ GIÁM ĐỐC
Nguyễn Ngọc Châm



1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử do khách hàng đưa tới.
This test results are valid only for samples taken by customer.
2. Không được trích sao một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của trung tâm Kỹ thuật 1.
This test results shall not reproduced except in full, without the written approval of QUATEST 1.
3. Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.
Name of sample and customer are written as customer's request.

Số/No: 25/TN4/ 0055/03

Trang/Total: 2/3

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST RESULT

STT Item	Tên chỉ tiêu Specifications	Đơn vị unit	Phương pháp thử Test methods	Kết quả Results
1.	Độ ẩm	%	TCVN 4074: 2009	6,46
2.	Hàm lượng tro không tan trong axit HCl	%	TCVN 4072: 2009	0,0
3.	Hàm lượng đường tổng theo saccharoza	%	TCVN 4074: 2009	36,44
4.	Hàm lượng đường khử theo Glucoza	%	TCVN 4074: 2009	13,94
5.	Hàm lượng chì (Pb)	mg/kg	AOAC 2015.01	KPH (LOD = 0,03)
6.	Hàm lượng cadimi (Cd)	mg/kg	AOAC 2015.01	0,06
7.	Hàm lượng Aflatoxin B1	µg/kg	TCVN 7596: 2007	KPH (LOD = 2,0)
8.	Hàm lượng Aflatoxin tổng số (B1+B2+G1+G2)	µg/kg	TCVN 7596: 2007	KPH (LOD = 2,0)
9.	Hàm lượng Orchoatoxin A	µg/kg	TCVN 9524: 2012	KPH (LOD = 0,35)
10.	Ngoại quan Hình dạng bên ngoài		TCVN 4068:1985	Kẹp có hình tròn theo khuôn mẫu, không bị biến dạng, nhân không bị chảy, kích thước kẹp trong cùng một gói tương đối đồng đều.
	Trạng thái			Bên ngoài: lớp vỏ màu trắng ngà, giòn
	Màu sắc			Bên trong: dẻo, dai Màu đặc trưng
	Mùi, vị			Bên ngoài: Vỏ bánh đa (bánh trắng) lẫn hạt vừng Bên trong: Màu nâu Mùi thơm đặc trưng, vị ngọt, không có mùi lạ
11.	<i>B.cereus</i> (*)	CFU/g	TCVN 4992: 2005	KPH (LOD : 10)
12.	<i>Coliforms</i> (*)	CFU/g	TCVN 6848: 2007	KPH (LOD : 1)
13.	<i>C.perfringens</i> (*)	CFU/g	TCVN 4991: 2005	KPH (LOD : 1)
14.	<i>S. aureus</i> (*)	CFU/g	ISO 6888-1: 2021	KPH (LOD : 10)
15.	<i>E.coli</i> (*)	CFU/g	TCVN 7924-2: 2008	KPH (LOD : 1)
16.	Tổng số nấm men - nấm mốc (*)	CFU/g	TCVN 8275-2: 2010	KPH (LOD : 1)
17.	Tổng số vi sinh vật hiếu khí (*)	CFU/g	TCVN 4884-1: 2015	KPH (LOD : 1)

Ghi chú: (*) là chỉ tiêu giới nhà đầu tư, (**), KPH - Không phát hiện (nghĩa là dưới ngưỡng phát hiện của phương pháp thử-LOD)

Số No: 25/TN4/0055/03

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

TEST RESULT



✓

3/3



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

QCĐP 1:2023/HTh

QUY CHUẨN KỸ THUẬT ĐỊA PHƯƠNG
KẸO CU ĐƠ HÀ TĨNH
Local technical regulation Ha Tinh Cu Do Candy

HÀ TĨNH - 2023

Lời nói đầu

QCĐP 1:2023/HTh do Ban soạn thảo Quy chuẩn kỹ thuật địa phương kẹo Cu Đơ Hà Tĩnh biên soạn, Sở Khoa học và Công nghệ tổng hợp, hoàn thiện trình duyệt, Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Tĩnh ban hành theo Quyết định số: 35/2023/QĐ-UBND ngày 18 tháng 8 năm 2023

QUY CHUẨN KỸ THUẬT ĐỊA PHƯƠNG
KẸO CU ĐƠ HÀ TĨNH
Local technical regulation Ha Tinh Cu Do Candy

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy chuẩn này quy định các chỉ tiêu về chất lượng, an toàn thực phẩm và các yêu cầu quản lý đối với sản phẩm kẹo Cu Đơ Hà Tĩnh.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Quy chuẩn này được áp dụng cho các tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh sản phẩm kẹo Cu Đơ Hà Tĩnh trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh; các cơ quan quản lý nhà nước và các tổ chức, cá nhân khác có liên quan.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

3.1. Kẹo Cu Đơ Hà Tĩnh: Là một sản phẩm đặc sản của tỉnh Hà Tĩnh, được sản xuất từ các nguyên liệu chính là mật mía, mạch nha, lạc, bánh đa, gừng và được bao gói theo khối lượng nhất định.

3.2. Chỉ tiêu loại A: Bắt buộc phải thử nghiệm để tự công bố sản phẩm.

3.3. Chỉ tiêu loại B: Không bắt buộc phải thử nghiệm để tự công bố sản phẩm nhưng tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh sản phẩm kẹo Cu Đơ Hà Tĩnh phải đáp ứng các yêu cầu đối với chỉ tiêu loại B.

Chương II
QUY ĐỊNH VỀ KỸ THUẬT

Điều 4. Yêu cầu đối với nguyên liệu

Các nguyên liệu dùng để sản xuất sản phẩm kẹo Cu Đơ Hà Tĩnh phải đáp ứng các quy định sau:

4.1. Quyết định số 46/2007/QĐ-BYT ngày 19 tháng 12 năm 2007 của Bộ Y tế về việc ban hành Quy định giới hạn tối đa ô nhiễm sinh học và hóa học trong thực phẩm.

4.2. Thông tư 50/2016/TT-BYT ngày 30/12/2016 của Bộ Y tế quy định giới hạn tối đa dư lượng thuốc bảo vệ thực vật trong thực phẩm.

4.3. QCVN 8-1:2011/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm độc tố vi nấm trong thực phẩm.

4.4. QCVN 8-2:2011/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm kim loại nặng trong thực phẩm.

4.5. Ngoài ra Lạc: Phải đạt yêu cầu theo tiêu chuẩn TCVN 2383:2008 - Lạc.

Điều 5. Yêu cầu về các chỉ tiêu chất lượng, an toàn thực phẩm đối với sản phẩm kẹo Cu Đơ

5.1. Chỉ tiêu cảm quan, được quy định trong Bảng 1

Bảng 1 - Chỉ tiêu cảm quan

Stt	Tên chỉ tiêu	Yêu cầu cảm quan	Phương pháp thử	Chỉ tiêu
1	Hình dạng bên ngoài	Kẹo có hình tròn theo khuôn mẫu hoặc có hình dạng khác, không bị biến dạng, nhân không bị chảy, kích thước kẹo trong cùng một gói tương đối đồng đều.	TCVN 4068:1985	B
2	Màu sắc	- Bên ngoài: Lớp bánh trắng có màu trắng ngà lẫn đen (hoặc vàng nhạt) của hạt vừng. - Bên trong: Màu nâu.		
3	Mùi vị	Mùi thơm đặc trưng của sản phẩm; vị ngọt; không có mùi, vị lạ.		
4	Trạng thái	- Bên ngoài: Lớp vỏ giòn. - Bên trong: dẻo, dai.		

5.2. Chỉ tiêu lý-hóa, được quy định trong Bảng 2

Bảng 2 - Chỉ tiêu lý-hóa

Stt	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Mức quy định	Phương pháp thử	Chỉ tiêu
1	Độ ẩm	%	5 - 6,5	TCVN 4069:2009	B
2	Hàm lượng đường khử, tính theo glucoza	%	12 - 18,5	TCVN 4075:2009	B
3	Hàm lượng đường tổng số, tính theo sacaroza	%	≥ 30	TCVN 4074:2009	B
4	Hàm lượng tro không tan trong dung dịch axit clohydric 10 %	%	≤ 0,05	TCVN 4071:2009	B

5.3. Chỉ tiêu kim loại nặng, được quy định trong Bảng 3

Bảng 3 - Chỉ tiêu kim loại nặng

Stt	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Giới hạn tối đa cho phép	Phương pháp thử	Chỉ tiêu
1	Cadimi (Cd)	mg/kg	0,1	TCVN 8126:2009	A
2	Chì (Pb)	mg/kg	0,2	TCVN 8126:2009	A

5.4. Chỉ tiêu vi sinh vật, được quy định trong Bảng 4

Bảng 4 - Chỉ tiêu vi sinh vật

Stt	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Giới hạn tối đa cho phép	Phương pháp thử	Chỉ tiêu
1	Tổng số vi sinh vật hiếu khí	CFU/g	10 ⁴	TCVN 4884-1:2015	A
2	Coliforms	CFU/g	10	TCVN 6848:2007	A
3	E.coli	MPN/g	3	TCVN 7924-2:2008	A
4	S.aureus	CFU/g	10	TCVN 4830-1:2005	A
5	Cl. Perfringens	CFU/g	10	TCVN 4991:2005	A
6	B.cereus	CFU/g	10	TCVN 4992:2005	A
7	Tổng số bào tử nấm men mốc	CFU/g	10 ²	TCVN 8275-2:2010	A

5.5. Chỉ tiêu độc tố vi nấm, được quy định trong Bảng 5

Bảng 5 - Chỉ tiêu độc tố vi nấm

Stt	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Giới hạn tối đa cho phép	Phương pháp thử	Chỉ tiêu
1	Aflatoxin B1	µg/kg	8	AOAC 991.31 (2012)	A
2	Aflatoxin B1B2G1G2	µg/kg	15	AOAC 991.31 (2012)	A
3	Ochratoxin A	µg/kg	3	AOAC 2000.09	A

5.6. Phụ gia thực phẩm (chỉ tiêu loại A): Sử dụng các loại phụ gia thực phẩm và mức giới hạn tối đa quy định tại Thông tư số 24/2019/TT-BYT ngày 30 tháng 8 năm 2019 của Bộ Y tế quy định về quản lý và sử dụng phụ gia thực phẩm; và các phụ gia khác được quy định tại các QCVN có liên quan.

Chương III

QUY ĐỊNH VỀ QUẢN LÝ

Điều 6. Lấy mẫu và phương pháp thử

6.1. Lấy mẫu

Theo hướng dẫn tại Thông tư số 14/2011/TT-BYT ngày 01/4/2011 của Bộ Y tế hướng dẫn chung về lấy mẫu thực phẩm phục vụ thanh tra, kiểm tra chất lượng, vệ sinh an toàn thực phẩm.

6.2. Phương pháp thử

Các chỉ tiêu chất lượng và an toàn thực phẩm trong Quy chuẩn này được thử theo các phương pháp nêu tại Điều 5 (các phương pháp này không bắt buộc áp dụng, có thể sử dụng các phương pháp thử khác có độ chính xác cao hơn hoặc tương đương). Trường hợp nếu có tranh chấp, khiếu nại, khiếu kiện thì sử dụng các phương pháp thử nêu tại Điều 5 làm phương pháp trọng tài.

Điều 7. Bao gói, ghi nhãn và thể hiện dấu hợp quy CR

7.1. Bao gói

Vật liệu bao gói tiếp xúc trực tiếp đối với sản phẩm kẹo Cu Đơ Hà Tĩnh phải đảm bảo an toàn thực phẩm theo quy định của Bộ Y tế.

7.2. Ghi nhãn và thể hiện dấu hợp quy CR

7.2.1. Ghi nhãn

7.2.1.1. Yêu cầu chung

Việc ghi nhãn sản phẩm kẹo Cu Đơ Hà Tĩnh phải được thực hiện theo quy định tại Nghị định số 43/2017/NĐ-CP ngày 14/4/2017 của Chính phủ về nhãn hàng hóa; Nghị định 111/2021/NĐ-CP ngày 09/12/2021 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 43/2017/NĐ-CP. Vị trí nhãn sản phẩm kẹo Cu Đơ Hà Tĩnh được thực hiện theo quy định tại Điều 4 Nghị định số 43/2017/NĐ-CP.

7.2.1.2. Nội dung nhãn hàng hóa

Nội dung ghi nhãn sản phẩm kẹo Cu Đơ Hà Tĩnh phải bao gồm các thông tin sau đây:

Tên hàng hóa: "Kẹo Cu Đơ Hà Tĩnh";

Tên và địa chỉ của tổ chức, cá nhân chịu trách nhiệm về hàng hóa;

Xuất xứ;

Định lượng;

Ngày sản xuất;

Hạn sử dụng;

Thành phần hoặc thành phần định lượng;

Thông tin cảnh báo;

Hướng dẫn sử dụng, hướng dẫn bảo quản.

7.2.2. Thể hiện dấu hợp quy CR

Dấu hợp quy CR phải được thể hiện một cách rõ ràng, dễ nhận biết, được in trực tiếp trên nhãn hàng hóa hoặc in trên chất liệu không thấm nước gắn trên bao gói và không bị bong, rách, mờ trong quá trình vận chuyển và sử dụng.

Hình dạng và kích thước của dấu hợp quy CR theo Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư số 28/2012/TT-BKHHCN ngày 12/12/2012 của Bộ Khoa học và Công nghệ quy định về công bố hợp chuẩn, công bố hợp quy và phương thức đánh giá sự phù hợp với tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật.

Dấu hợp quy CR phải được thể hiện kèm theo thông tin về số hiệu Quy chuẩn kỹ thuật địa phương kẹo Cu Đơ Hà Tĩnh.

Điều 8. Tự công bố sản phẩm

8.1. Sản phẩm kẹo Cu Đơ Hà Tĩnh được sản xuất trên địa bàn tỉnh phải được tổ chức, cá nhân tự công bố sản phẩm phù hợp với các quy định tại Điều 5 của Quy chuẩn kỹ thuật này và phải được gắn dấu hợp quy CR trước khi đưa ra lưu thông trên thị trường.

8.2. Hồ sơ, trình tự tự công bố sản phẩm thực hiện theo quy định tại Điều 5 Nghị định số 15/2018/NĐ-CP ngày 02/02/2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật an toàn thực phẩm.

Điều 9. Thanh tra, kiểm tra, giám sát và xử lý vi phạm pháp luật

9.1. Sở Công thương chủ trì, phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ và các cơ quan liên quan tổ chức thực hiện việc thanh tra, kiểm tra và giám sát đối với các tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh sản phẩm kẹo Cu Đơ Hà Tĩnh trên địa bàn tỉnh đảm bảo đáp ứng các quy định theo Quy chuẩn kỹ thuật này. Trong trường hợp phát hiện các hành vi vi phạm với các quy định trong Quy chuẩn kỹ thuật này thì tiến hành xử lý theo các quy định pháp luật hiện hành.

9.2. Các tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh sản phẩm kẹo Cu Đơ Hà Tĩnh trên địa bàn tỉnh chịu sự thanh tra, kiểm tra và giám sát việc chấp hành các quy định theo Quy chuẩn kỹ thuật này của các cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

**Chương IV
TRÁCH NHIỆM CỦA TỔ CHỨC, CÁ NHÂN**

Điều 10. Trách nhiệm của tổ chức, cá nhân

10.1. Tổ chức, cá nhân sản xuất sản phẩm kẹo Cu Đơ Hà Tĩnh phải tự công bố sản phẩm phù hợp với các quy định tại Quy chuẩn kỹ thuật này trước khi đưa ra lưu thông trên thị trường và đảm bảo chất lượng, an toàn thực phẩm theo đúng nội dung đã công bố; thực hiện việc ghi nhãn hàng hóa, gắn dấu hợp quy CR phù hợp với các quy định của pháp luật.

10.2. Tổ chức, cá nhân kinh doanh kẹo Cu Đơ Hà Tĩnh phải đảm bảo chất lượng, an toàn thực phẩm theo quy định tại Quy chuẩn kỹ thuật này; chỉ kinh doanh đối với sản phẩm kẹo Cu Đơ Hà Tĩnh đã thực hiện việc tự công bố sản phẩm, có nhãn hàng hóa, được gắn dấu hợp quy CR.

**Chương V
TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

Điều 11. Giao Sở Công thương chủ trì, phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ và các cơ quan liên quan hướng dẫn, tổ chức việc thực hiện Quy chuẩn kỹ thuật này.

Điều 12. Căn cứ vào yêu cầu quản lý, Sở Khoa học và Công nghệ có trách nhiệm phối hợp với cơ quan liên quan đề xuất, kiến nghị Ủy ban nhân dân tỉnh sửa đổi, bổ sung nội dung Quy chuẩn kỹ thuật này.

Điều 13. Trong trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật và các tiêu chuẩn viện dẫn tại Quy chuẩn kỹ thuật này có sửa đổi, bổ sung hoặc được thay thế thì thực hiện theo quy định tại văn bản mới./.



GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ NHÃN HIỆU

Số: 455478

Chủ Giấy chứng nhận: 1. ĐẶNG KIM THƯ (VN)
Khởi phố 4, phường Đại Nài, thành phố Hà Tĩnh, tỉnh Hà Tĩnh
2. (Danh sách kèm theo)

Số đơn: 4-2020-27091

Ngày nộp đơn: 10/07/2020

Cấp theo Quyết định số: 45827/QĐ-SHIT, ngày: 23/06/2023

Có hiệu lực từ ngày cấp đến hết 10 năm tính từ ngày nộp đơn (có thể gia hạn).



KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG



VN 4-0455478



Nguyễn Văn Bảy

**GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ
HỘ KINH DOANH
Số: 2818007247**

Đăng ký lần đầu, ngày 17 tháng 02 năm 2022

1. Tên hộ kinh doanh: **PHAN HỮU CƯỜNG**

2. Địa chỉ trụ sở hộ kinh doanh: Thôn 6, Xã Cẩm Quang, Huyện Cẩm Xuyên, Tỉnh Hà Tĩnh

Điện thoại: 0966917640

Email:

3. Ngành nghề kinh doanh: Sản xuất ca cao, sôcôla và bánh kẹo (Sản xuất kẹo cu dọt).

(Các ngành nghề kinh doanh có điều kiện chỉ được phép hoạt động kinh doanh khi đáp ứng đủ các điều kiện theo quy định)

4. Vốn kinh doanh: 150.000.000 đồng (Một trăm năm mươi triệu đồng)

5. Chủ thể thành lập hộ kinh doanh: Cá nhân

6. Thông tin về đại diện hộ kinh doanh

Tên chủ hộ: **PHAN HỮU CƯỜNG**

Giới tính: Nam

Sinh ngày: 04/04/1988

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý cá nhân: Thẻ căn cước

Số giấy tờ pháp lý cá nhân: 042088020958

Ngày cấp: 28/06/2021

Nơi cấp: Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội

Địa chỉ thường trú: Thôn Bắc Thành, Xã Cẩm Dương, Huyện Cẩm Xuyên, Tỉnh Hà Tĩnh

Địa chỉ liên lạc: Thôn 6, Xã Cẩm Quang, Huyện Cẩm Xuyên, Tỉnh Hà Tĩnh



**KT. TRƯỞNG PHÒNG
PHÓ TRƯỞNG PHÒNG**



Trịnh Văn Sơn

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**GIẤY CHỨNG NHẬN
CƠ SỞ ĐỦ ĐIỀU KIỆN AN TOÀN THỰC PHẨM**

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN CẨM XUYỀN

Chứng nhận

Cơ sở: **Cu đơ ÔNG BÀ THƯ VIỆN**

Loại hình sản xuất: **Kẹo cu đơ**

Chủ cơ sở: **Phan Hữu Cường**

Địa chỉ sản xuất: **Thôn 6 – xã Cẩm Quang- huyện Cẩm Xuyên - tỉnh Hà Tĩnh**

Điện thoại: **0966917640**

ĐỦ ĐIỀU KIỆN AN TOÀN THỰC PHẨM THEO QUY ĐỊNH

Cẩm Xuyên, ngày 11 tháng 3 năm 2025

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

KT. CHỦ TỊCH

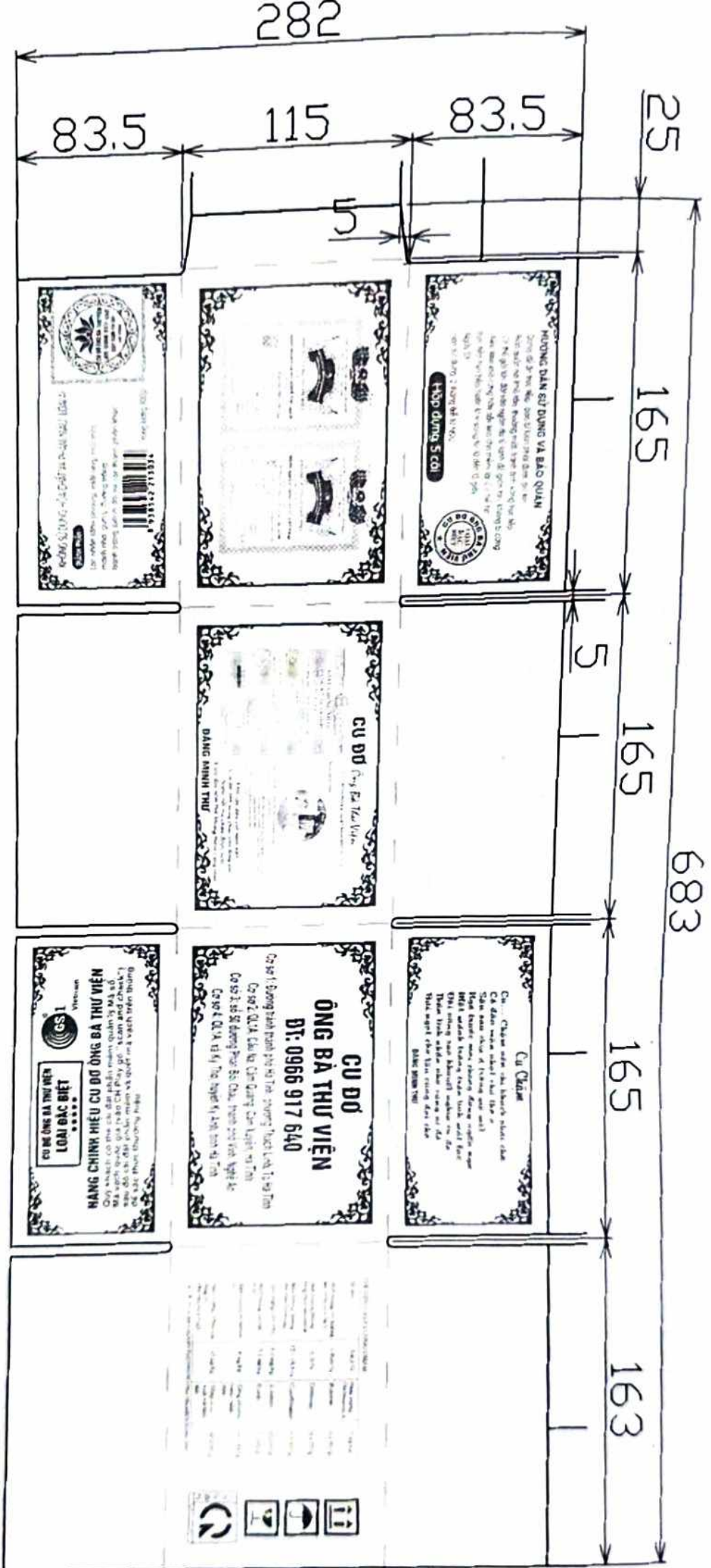
PHÓ CHỦ TỊCH



Phạm Hoàng Anh

Số cấp: **05/2025/GC.NATTP-UBND**

Giấy chứng nhận có hiệu lực đến ngày **06/3/2028**



STT	Tên sản phẩm	Đơn vị	Số lượng	Đơn vị	Giá trị
1	Hộp đựng 5 cái	Chiếc	5	Chiếc	5
2	CU ĐỒ	Quyển	10	Quyển	10
3	ÔNG BÀ THƯ VIỆN	Quyển	10	Quyển	10
4	HANG CHÍNH HIỆU CU ĐỒ ÔNG BÀ THƯ VIỆN	Quyển	10	Quyển	10



HÌNH ẢNH DAN SỬ DÙNG VÀ BẢO QUẢN

Đừng để cho trẻ em - hoặc bất kỳ ai khác - gần gũi với sản phẩm này.

- Chỉ sử dụng thuốc này theo đúng hướng dẫn sử dụng.

- Nếu bạn gặp bất kỳ tác dụng phụ nào, xin liên hệ ngay với bác sĩ hoặc dược sĩ gần nhất.

Ngày 20/01/2017

Địa chỉ: 100 Đường Nguyễn Huệ, Quận 1, TP. HCM

Hộp đựng 5 gói

CU ĐỒ

ÔNG BÀ THƯ VIỆN

ĐI: 0966 917 640

Địa chỉ: 100 Đường Nguyễn Huệ, Quận 1, TP. HCM

HANG CHINH HIEU CU ĐỒ

Địa chỉ: 100 Đường Nguyễn Huệ, Quận 1, TP. HCM

ĐI: 0966 917 640

CỦ CHẤM

Chăm sóc răng miệng luôn là ưu tiên hàng đầu của chúng ta.

Sản phẩm này được nghiên cứu và phát triển để giúp bạn có một nụ cười rạng rỡ và khỏe mạnh.

Một nụ cười rạng rỡ là chìa khóa để bạn tự tin và hạnh phúc.

Tham khảo thêm các sản phẩm khác của chúng tôi.

DẠNG MINH THƯ

CU ĐỒ

ÔNG BÀ THƯ VIỆN

ĐI: 0966 917 640

Địa chỉ: 100 Đường Nguyễn Huệ, Quận 1, TP. HCM

HANG CHINH HIEU CU ĐỒ

Địa chỉ: 100 Đường Nguyễn Huệ, Quận 1, TP. HCM

ĐI: 0966 917 640

CỦ CHẤM

Chăm sóc răng miệng luôn là ưu tiên hàng đầu của chúng ta.

Sản phẩm này được nghiên cứu và phát triển để giúp bạn có một nụ cười rạng rỡ và khỏe mạnh.

Một nụ cười rạng rỡ là chìa khóa để bạn tự tin và hạnh phúc.

Tham khảo thêm các sản phẩm khác của chúng tôi.

DẠNG MINH THƯ

CU ĐỒ

ÔNG BÀ THƯ VIỆN

ĐI: 0966 917 640

Địa chỉ: 100 Đường Nguyễn Huệ, Quận 1, TP. HCM

HANG CHINH HIEU CU ĐỒ

Địa chỉ: 100 Đường Nguyễn Huệ, Quận 1, TP. HCM

ĐI: 0966 917 640

HANG CHINH HIEU CU ĐỒ

Địa chỉ: 100 Đường Nguyễn Huệ, Quận 1, TP. HCM

ĐI: 0966 917 640

CU ĐỒ

ÔNG BÀ THƯ VIỆN

ĐI: 0966 917 640

Địa chỉ: 100 Đường Nguyễn Huệ, Quận 1, TP. HCM

HANG CHINH HIEU CU ĐỒ

Địa chỉ: 100 Đường Nguyễn Huệ, Quận 1, TP. HCM

ĐI: 0966 917 640

165 165 165 165



HỆ THỐNG DAN SỬ DỤNG VÀ BẢO QUẢN

Được sử dụng để: - Các thiết bị đặc biệt
- Các loại vật liệu, dụng cụ, thiết bị, dụng cụ
- Các loại vật liệu, dụng cụ, thiết bị, dụng cụ
- Các loại vật liệu, dụng cụ, thiết bị, dụng cụ

Hiện đang 5 có



CỦ ĐỒ Ông Bà Thu Viên

QUANG MINH THỦY

Củ Chấm

Củ Chấm món ăn thanh mát, nhẹ nhàng
Củ Chấm món ăn thanh mát, nhẹ nhàng
Củ Chấm món ăn thanh mát, nhẹ nhàng
Củ Chấm món ăn thanh mát, nhẹ nhàng

SẢN PHẨM THỦY

CỦ ĐỒ
ÔNG BÀ THỦY VIÊN
ĐT: 0966 917 640

Củ Đồ 1 Đông Viên Thanh mát, nhẹ nhàng, thanh mát, nhẹ nhàng
Củ Đồ 2 Ông Bà Thu Viên Thanh mát, nhẹ nhàng
Củ Đồ 3 Ông Bà Thu Viên Thanh mát, nhẹ nhàng

HÀNG CHÍNH MIÊU DẠNG CỬ ĐỒ QUANG MINH THỦY VIÊN

Hiện đang 5 có



185.00 mm

185.00 mm

STT	Mã hàng	Tên hàng	Đơn vị	Số lượng	Giá trị
1	01	Củ Đồ 1	kg	10	1000000
2	02	Củ Đồ 2	kg	10	1000000
3	03	Củ Đồ 3	kg	10	1000000



115.00 mm